

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **60/2021/HS-ST**

Ngày: 05/11/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Ông Hoàng Hữu Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thư Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Việt Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu T; Sinh ngày: 31/7/1986; Tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: 47/2/21 đường AĐ, phường BTĐA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H (chết) và bà: Lợi Ngọc Th; Có chồng: Là ông Trần Tuấn K và con: Có 02 người con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam ngày 21/3/2021.

Tiền án:

- Ngày 19/4/2010, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 81/2010/HSST). Đã thi hành xong phần án phí (Công văn trả lời xác minh số: 2337/CCTHADS ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 28/8/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của Bản án số: 81/2010/HSST ngày 19/4/2010 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù (Bản án số: 145/2012/HSST). Bị cáo kháng cáo và ngày 24/01/2013,

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử giữ nguyên bản án sơ thẩm (Bản án số: 62/2013/HSPT). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/6/2014 và đã thi hành xong phần án phí (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 48/GCN của Trại tạm giam Bồ Lá và Công văn trả lời xác minh số: 1107/CCTHADS ngày 11/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 09/01/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 03/2015/HSST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/9/2017 và đã thi hành xong phần án phí (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 743/GCN của Trại giam Long Hòa và Phiếu cung cấp thông tin số: 1024/CCTHADS ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngày 23/01/2018, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản» (Bản án số: 11/2018/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/12/2020 và đã thi hành xong phần án phí (Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 1215/GCN của Trại giam Thủ Đức và Công văn trả lời xác minh số: 3006/CC-THADS ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nhân thân: Ngày 02/8/2000, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng 24 tháng (Quyết định số: 214/QĐ/UB-NCVX). Chấp hành xong ngày 10/8/2002 (Giấy chứng nhận số: 08/GCN của Trường giáo dưỡng số 4).

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc H; Sinh năm: 1972; Trú tại: 26 Lô H, đường PVC, Phường G, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Thu D; Sinh năm: 1965; Trú tại: 365/34 đường Hậu Giang, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Bà Nguyễn Thị Thu Linh; Sinh năm: 1983; Thường trú: 47/2/21 đường AĐ, phường BTĐA, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: 325/27/24/1B BPD, Phường P, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 21/3/2021, Nguyễn Thị Thu T điều khiển xe gắn máy biển số 50N1-460.11 (nhãn hiệu Honda Lead màu trắng) đến chợ Bình Tiên

thuộc Phường 4, Quận 6 để tìm tài sản lấy trộm. Sau khi gửi xe, T đi bộ vào trong chợ, khi đến trước nhà số 234/34/32 đường Phạm Phú Thứ, Phường 4, Quận 6, T phát hiện bà Nguyễn Thị Ngọc H đang điều khiển xe gắn máy cỡ 02 con nhỏ, trong túi áo khoác bên trái của bà H có để 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen và một phần của chiếc điện thoại lòi ra bên ngoài, T liền áp sát bên trái bà H, đồng thời dùng tay phải móc chiếc điện thoại trong túi áo của bà H rồi cất vào trong túi áo khoác của T. Sau đó, T dùng cây tăm chọc vào khe lấy sim trong chiếc điện thoại của bà H vứt xuống đất. Cùng lúc, T thấy bà Nguyễn Thị Thu D đứng mua bánh tại trước nhà số 234/34/32 đường Phạm Phú Thứ và đang cất tiền (33.000 đồng) vào túi áo khoác bên phải. Ngay lập tức, T áp sát bà D rồi dùng tay phải móc lấy tiền trong túi áo của bà D, nhưng bị bà D phát hiện tri hô và dùng tay đập vào tay của T làm tiền rơi xuống đất. T bỏ chạy thì bị ông Nguyễn Văn Hg (bảo vệ chợ) đuổi theo bắt giữ đưa về phòng bảo vệ chợ Bình Tiên.

Về phần bà H, sau khi phát hiện mất chiếc điện thoại đã đến phòng bảo vệ chợ Bình Tiên trình báo. Thấy bà H, T sợ bị phát hiện nên đã ném chiếc điện thoại của bà H xuống đất, nhưng bị ông Hg phát hiện thu giữ. Sau đó, ông Hoàng đã giao T cho Công an Phường 4, Quận 6 xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen; 01 chiếc xe gắn máy biển số 50N1-460.11 và số tiền 2.283.000 đồng (trong đó có 33.000 đồng T vừa chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Thu D).

Tại Công an Phường 4, Quận 6 cũng như tại Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Nguyễn Thị Thu T đều khai nhận thực hiện hành vi nêu trên.

Bị hại và người làm chứng khai cũng tương tự.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 57/KL-HĐĐGTS ngày 26 tháng 3 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự Quận 6 đã kết luận trị giá của chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, dung lượng 32Gb, số Imei: 353805089124135, số máy: MN8X2VN/A, số seri: C77SJNTSHG7F tại thời điểm ngày 21/3/2021 là: 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 52/CT-VKS ngày 11 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T về tội «Trộm cắp tài sản» theo quy định tại điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T khai nhận chính bị cáo đã thực hiện 02 vụ lấy trộm tài sản vào sáng ngày 21/3/2021 tại trước nhà số 234/34/32 đường Phạm Phú Thứ, Phường 4, Quận 6 (01 vụ lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen của bà Nguyễn Thị Ngọc H, 01 vụ lấy trộm 33.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thu D) và bị phát hiện bắt quả tang như nội dung bản cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu T như bản cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ

hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu T từ 04 năm đến 05 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản» theo điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173; điểm n, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Không phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có khả năng thi hành.

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Thu D không yêu cầu, nên không đề nghị giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác nữ màu hồng (đã qua sử dụng).

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu T số tiền 2.250.000 đồng.

Còn các vật chứng khác, Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý xong, nên không đề nghị xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị Thu T nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật nên không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 6, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Thu T tại phiên tòa với Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Kết luận định giá tài sản số: 57/KL-HĐĐGTS ngày 26/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự Quận 6; lời khai của bị hại Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Thu D và của người làm chứng tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã phạm tội «Trộm cắp tài sản». Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.1] Bị cáo Nguyễn Thị Thu T với ý định phạm tội có từ trước, đã lén lút chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Ngọc H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen, dung lượng 32Gb (số Imei: 353805089124135, số máy:

MN8X2VN/A, số seri: C77SJNTSHG7F) trị giá 3.500.000 đồng tại trước nhà số 234/34/32 đường Phạm Phú Thứ, Phường 4, Quận 6 vào sáng ngày 21/3/2021. Không dừng lại ở đó, khi phát hiện bà Nguyễn Thị Thu D đứng mua bánh tại trước nhà số 234/34/32 đường Phạm Phú Thứ và đang cất 33.000 đồng vào túi áo khoác bên phải, bị cáo đã áp sát bà D rồi dùng hai ngón tay của bàn tay phải móc túi chiếm đoạt số tiền này. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an chung. Mặt khác, bị cáo đã 04 lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản (ngày 19/4/2010, bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 01 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 28/8/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 7 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản». Tổng hợp với hình phạt 01 năm tù của bản án ngày 19/4/2010 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo kháng cáo và ngày 24/01/2013, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; ngày 09/01/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 6 xử phạt 03 năm tù về tội «Trộm cắp tài sản»; ngày 23/01/2018, bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội «Trộm cắp tài sản»), chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý là «Tái phạm nguy hiểm» thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

[2.2] Bị cáo Nguyễn Thị Thu T là người đã trưởng thành, bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong Bộ luật hình sự, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[2.3] Và như đã nêu, bản thân bị cáo Nguyễn Thị Thu T không có nghề nghiệp, không có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng. Suốt từ năm 2010 đến ngày bị bắt, bị cáo chỉ lấy việc chiếm đoạt tài sản của người khác làm phương tiện kiếm sống chính cho bản thân. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 truy tố bị cáo về tội «Trộm cắp tài sản» thuộc trường hợp phạm tội «Có tính chất chuyên nghiệp» theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Thị Thu T còn có nhân thân xấu, đó là ngày 02/8/2000, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định đưa vào Trường giáo dưỡng 24 tháng.

Cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục quá nhiều lần, nhưng bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng mà ngược lại vẫn tiếp tục phạm tội do cố ý là thể hiện ý thức chấp hành pháp luật không tốt.

[3] Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã liên tiếp 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại và tiền của các bà Nguyễn Thị Ngọc

H, Nguyễn Thị Thu D, nhưng do số tiền mà bị cáo chiếm đoạt của bà D dưới hai triệu đồng (33.000 đồng), nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự «Phạm tội 02 lần trở lên» đối với bị cáo theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu T là nghiêm trọng, do đó Hội đồng xét xử thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo phạm tội trong thời gian mang thai (theo Phiếu khám thai và Kết quả siêu âm cùng ngày 17/8/2021 của bệnh viện Chí Hòa là một thai sống khoảng 22 tuần); tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm n, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Mặc dù tài sản có giá trị thấp và đã được thu hồi trả bị hại, nhưng xét hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành, việc bị phát hiện bắt giữ và thu giữ lại tài sản là hoàn toàn ngoài ý muốn của bị cáo. Mặt khác như đã phân tích, hành vi phạm tội này không những đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, trị an chung, do đó Hội đồng xét xử không xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo Nguyễn Thị Thu T còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Việc bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra Công an Quận 6 đã xử lý trả 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 màu đen, dung lượng 32Gb, số Imei: 353805089124135, số máy: MN8X2VN/A, số seri: C77SJNTSHG7F cho bà Nguyễn Thị Ngọc H; trả số tiền 33.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Thu D. Tại phiên tòa, các bà H, Dung vắng mặt, nhưng tại Cơ quan điều tra các bà này đều không có ý kiến hay yêu cầu gì về phần bồi thường (theo hai Biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2021, ngày 24/3/2021 và hai Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu cùng ngày 29/3/2021 của Công an Quận 6 - BL44, 50, 101, 103), do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Việc xử lý vật chứng: 01 áo khoác nữ màu hồng (bị cáo Nguyễn Thị Thu T mặc lúc lấy trộm tài sản), là vật không có giá trị hoặc không sử dụng được, nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với số tiền 2.250.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu T. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị trả lại cho bị cáo vì không đủ căn cứ xác định do bị cáo phạm tội mà có hay bị cáo đã hoặc sẽ dùng vào việc phạm tội. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

(theo Phiếu nhập kho vật chứng số: 21/PNK ngày 08 tháng 4 năm 2021; Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 01 tháng 7 năm 2021 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Công an Quận 6; Quyết định chuyển vật chứng số: 49/QĐ-VKS-Q6 ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6)

Đối với chiếc xe gắn máy biển số 50N1-460.11, số máy JF79E0035443, số khung RLHJF790XHY010448 (loại xe hai bánh từ 50-175cm³, nhãn hiệu Honda, số loại Lead, sơn màu Trắng Đen) thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu T, Cơ quan điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thu Linh (chị ruột bị cáo), nên đã xử lý trả lại cho bà Linh (theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 10/5/2021 của Công an Quận 6 - BL101), do đó Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm tội: «Trộm cắp tài sản».
- Căn cứ điểm b, điểm g khoản 2 Điều 173; điểm n, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.
- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** 04 (bốn) năm tù.
Thời hạn tù tính từ ngày 21/3/2021.
- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
Tịch thu tiêu hủy 01 (một) áo khoác nữ màu hồng (đã qua sử dụng).
- Căn cứ khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.
Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu T 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng.
- Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
Bị cáo Nguyễn Thị Thu T phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại Nguyễn Thị Ngọc H, Nguyễn Thị Thu D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 6;
- Công an Quận 6;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Công an Tp. Hồ Chí Minh (Phòng PV06);
- Chi cục THADS Quận 6;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ đến vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thùy Liên